

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **64/2022/DS-ST**

Ngày: 25/3/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Minh**

2. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 28/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 36/1, tổ 12, ấp TH, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp TP 1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị H, vắng mặt chị V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/10/2021, bản tự khai ngày 16/12/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thúy H** trình bày:

Ngày 11/12/2019, chị có cho Nguyễn Thị Hồng V vay số tiền 60.000.000đồng, đôi bên có làm Bản hợp đồng cho mượn tiền ngày 11/12/2019. Thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay. Trong hợp đồng không ghi lãi suất nhưng đôi bên có thỏa thuận lãi suất vay là 8%/tháng. Từ lúc nhận tiền vay cho đến nay, chị V không đóng lãi cũng như trả nợ gốc cho chị. Nhiều lần chị tìm gặp chị V đòi tiền, nhưng chị V cứ thất hứa. Khi vay, chị V có đưa cho chị 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Hồng V, mã số 8222833437 để làm tin. Đôi bên có thống nhất với nhau, khi nào chị V trả đủ tiền nợ gốc và lãi cho chị thì chị sẽ trả lại bản chính sổ bảo hiểm nói trên cho chị V.

Nay chị yêu cầu chị V trả lại cho chị 60.000.000đồng tiền nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc này theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngay khi chị V trả đủ tiền nợ gốc và lãi cho chị, chị sẽ trả lại bản chính sổ bảo hiểm xã hội cho chị V.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa và tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định lại thời điểm yêu cầu Tòa án tính lãi là từ ngày 13/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, nếu có lẽ ngày thì đồng ý tính tròn số tháng.

- Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227,

Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3] - Về nội dung yêu cầu:

[3.1] Đối với khoản vay 60.000.000đồng mà chị H yêu cầu chị V trả cho chị, xét lời trình bày của chị H tại phiên tòa và đối chiếu với chứng cứ là Bản hợp đồng cho mượn tiền ngày 11/12/2019 (bút lục 23) cho thấy, chị V có vay của chị H 60.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày vay. Mặc dù trong Bản hợp đồng cho mượn tiền nói trên không ghi nhận lãi suất nhưng đôi bên có thỏa thuận lãi suất là 8%/tháng. Khi khởi kiện, chị lại trình bày là 1.6%/tháng vì chị sợ bị xử lý vì cho vay lãi cao.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thông báo và tổng đạt tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị V theo đúng trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị V không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu mà chị H đã cung cấp, cũng không có ý kiến về mức lãi suất mà chị H yêu cầu khi 1.6%/tháng, khi 8%/tháng. Từ đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc chị V có vay của chị H 60.000.000đồng, lãi suất 8%/tháng, thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay, là có thật. Do đó, chị H khởi kiện đòi chị V trả cho chị 60.000.000đồng là hoàn toàn có căn cứ được quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi mà chị H yêu cầu chị V trả, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ vay và cho vay tài sản giữa các bên thuộc trường hợp vay có lãi và có kỳ hạn, được quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đôi bên có thỏa thuận lãi, nhưng lãi suất này vượt hơn mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến hết ngày 12/01/2020, chị V chưa trả nợ cho chị H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với chị H. Chị H đồng ý tính lãi trên số nợ gốc kể từ thời điểm ngày 13/01/2020 đến ngày 25/3/2022, tính tròn 26 tháng là hoàn toàn có lợi cho chị V. Lãi suất được áp dụng trong trường hợp này

là 1.666%/tháng. Vậy khoản tiền lãi mà chị V phải trả cho chị H là 1.666%/tháng x 60.000.000đồng x 26 tháng = 25.989.600đồng.

Từ những phân tích trên, xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn có căn cứ được quy định tại Điều 463, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị V trả cho chị H 85.989.600đồng (trong đó nợ gốc 60.000.000đồng, nợ lãi là 25.989.600đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, ngay khi chị V trả đủ cho chị H khoản nợ gốc và lãi nói trên, thì chị H sẽ trả lại cho chị V bản chính 01 (một) sổ Bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Hồng V, mã số 8222833437.

[5] - Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị V phải chịu toàn bộ án phí là 4.299.000đồng (tính số tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và khoản 5 Điều 466 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng V trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền **85.989.600** (tám mươi lăm triệu chín trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm) đồng, trong đó nợ gốc 60.000.000đồng, nợ lãi là 25.989.600đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, ngay khi chị V trả đủ cho chị H khoản nợ gốc và lãi nói trên, thì chị H sẽ trả lại cho chị V bản chính 01 (một) sổ Bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Hồng V, mã số 8222833437.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị V phải chịu 4.299.000đồng.

Hoàn lại cho chị H 1.980.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003634 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI